

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LÀO CAI
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 24-6-2025

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI – TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Minh Yên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Vũ Thị Hòa

2. Ông Hoàng Văn Ngân

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Anh Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Đại diện VKSND thành phố Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc A – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 60/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2025/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị C - Sinh năm 1987, Địa chỉ: Thôn T, xã C, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt

Bị đơn: Anh Trần Xuân H – Sinh năm 1983, Địa chỉ: Thôn T, xã C, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị C trình bày: Chị và anh Trần Xuân H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật ngày 30/10/2006 tại Ủy ban nhân dân phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị sống hạnh phúc được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, từ đó vợ chồng dần xa cách. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình bạn bè hòa giải nhiều lần nhưng

không có kết quả, nay anh Trần Xuân H thường xuyên đi vắng, không ở nhà, không quan tâm đến chị và các con. Vợ chồng chị đã tuy sống cùng nhà nhưng đã ly thân từ năm 2017 đến nay, anh H thường xuyên đi vắng không ở nhà, vợ chồng không quan tâm đến nhau. Đến nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không còn nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Xuân H.

Về con: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 02 chung là cháu Trần Anh T, sinh ngày 19/02/2007 và cháu Trần Gia H1, sinh ngày 27/6/2016. Sau khi chị Nguyễn Thị C và anh Trần Xuân H sống ly thân không quan tâm đến nhau, các con đều do chị C chăm sóc. Đến nay cháu Trần Anh T đã trưởng thành chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn chị C có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trần Gia H1 đến khi trưởng thành và không yêu cầu anh Trần Xuân H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị C có đơn xin xét xử vắng mặt, trong đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị C giữ nguyên quan điểm xin ly hôn, nuôi con và không yêu cầu giải quyết về tài sản.

Quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành ghi ý kiến của cháu Trần Gia H1, cháu H2 nguyện vọng được ở với mẹ.

Quá trình giải quyết vụ án tòa án đã tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng cho anh Trần Xuân H nhưng không được, do anh Trần Xuân H thường xuyên vắng mặt ở nơi cư trú mà không rõ thời điểm trở về. Do đó Tòa án tiến hành niêm yết văn bản tố tụng theo quy định tại khoản 5 Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự; và quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã chấp hành pháp luật đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành các quy định của pháp luật về tố tụng. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4 điều 147; Điều 227; Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về

mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị C được ly hôn anh Trần Xuân H, Về con: giao cháu Trần Gia H1 cho chị Nguyễn Thị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành 18 tuổi. Anh Trần Xuân H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tuyên nghĩa vụ chịu án phí, quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Nguyên đơn và bị đơn đều có hộ khẩu thường trú tại thành phố L, tỉnh Lào Cai. Căn cứ Điểm b, Khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị C vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Trần Xuân H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C và anh Trần Xuân H có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh chị được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, Chị Nguyễn Thị C và anh Trần Xuân H chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Chị C xác định chị và anh Trần Xuân H vẫn đang sống cùng nhà nhưng thực tế đã ly thân từ năm 2017 đến nay, anh H thường xuyên đi vắng không về nhà, không quan tâm đến chị và các con. Đến nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Do đó xác định hôn nhân của chị Nguyễn Thị C và anh Trần Xuân H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, hiện nay anh chị mặc dù cùng chung sống một nhà nhưng anh H thường xuyên đi vắng, không chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ các công việc gia đình, như vậy anh chị đã không còn tình nghĩa vợ chồng nữa. Tại đơn xin xét xử vắng mặt chị C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Do đó Hội đồng xét

xử chấp nhận yêu cầu của chị C, xử cho chị Nguyễn Thị C được ly hôn anh Trần Xuân H. Hôn nhân của chị Nguyễn Thị C và anh Trần Xuân H chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống chị Nguyễn Thị C và anh Trần Xuân H có 02 con chung là cháu Trần Anh T, sinh ngày 19/02/2007 và cháu Trần Gia H1, sinh ngày 27/6/2016. Đối với cháu Trần Anh T đã trên 18 tuổi, chị Nguyễn Thị C không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với cháu Trần Gia H1, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành ghi ý kiến của cháu, cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

Quá trình giải quyết vụ án chị C có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1 đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh Trần Xuân H cấp dưỡng nuôi con. Qua xác minh tại địa phương cho thấy anh Trần Xuân H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã C, thành phố L nhưng có cư trú tại đây, tuy nhiên đi về giờ giấc không cố định, không thường xuyên có mặt tại địa phương. Căn cứ trên ý kiến nguyện vọng của cháu H1, căn cứ khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị C, giao cháu Trần Gia H1 cho chị Nguyễn Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành 18 tuổi hoặc đến khi các đương sự có yêu cầu thay đổi khác. Anh Trần Xuân H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị C phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; 83 của Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị C, cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C được ly hôn anh Trần Xuân H. Hôn nhân của chị Nguyễn Thị C và anh Trần Xuân H chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con chung của chị Nguyễn Thị C và anh Trần Xuân H là cháu Trần Gia H1, sinh ngày 27/6/2016 cho chị Nguyễn Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành 18 tuổi hoặc đến khi các đương sự có yêu cầu thay đổi khác. Anh Trần Xuân H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị Nguyễn Thị C đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 141 ngày 20/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Chị Nguyễn Thị C đã thi hành xong khoản tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND TP; VKSND tỉnh Lào Cai;
- Chi cục THADS TP Lào Cai;
- Các đương sự;
- UBND phường Kim Tân (ĐKKH số 94, ngày 30/10/2006);
- Lưu HS, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lý Thị Minh Yên